



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

228.
G T
EM H
IV A E
T N
4Y -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014



Số: *HA*-14/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 02 năm 2014 từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư và Công nghệ Hưng Việt và khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2013, nên chúng tôi không ước tính được số dự phòng cần trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của khoản dự phòng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty.

- Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã có ý kiến ngoại trừ về việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng, tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng từ năm 2011, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu đã quá hạn thanh toán của khoản công nợ nêu trên. Trong phạm vi kiểm toán năm 2013, chúng tôi không thu thập được thêm các bằng chứng về việc chuyển nhượng khoản đầu tư và công nợ phải thu hình thành từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư này. Do đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên đến số liệu so sánh tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tới báo cáo tài chính năm 2013.
- Tại thời điểm 31/12/2012 và thời điểm 31/12/2013, Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn chưa được Công ty kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh lần lượt là 2.434.424.580 đồng và 5.339.857.879 đồng; Lãi vay vốn hóa chưa phù hợp lần lượt là 583.347.918 đồng, trích khấu hao thiếu vào chi phí với giá trị 482.479.667 đồng; chưa trích lập dự phòng công nợ quá hạn thanh toán năm 2012 là 1.465.236.457 đồng, năm 2013 là 158.235.689 đồng. Nếu công ty thực hiện trích lập dự phòng và kết chuyển các chi phí nêu trên để xác định kết quả hoạt động kinh doanh thì lợi nhuận năm 2012 năm 2013 sẽ giảm tương ứng.
- Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng nhằm đưa ra ý kiến về khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phần tồn kho tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013 của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt (Số dư chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 3 phần V của bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất). Đồng thời, chúng tôi chưa được cung cấp các căn cứ xác định giá trị sản phẩm dở dang các mặt hàng khuôn tại thời điểm 31/12/2013 với giá trị là 2.479.597.126 đồng và giá vốn đã kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm với giá trị là 7.093.593.871 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Trong năm 2013, các Công ty trong cùng Tập đoàn giao dịch mua bán tài sản cố định. Theo đó ảnh hưởng của các giao dịch này đến Báo cáo tài chính được trình bày tại thuyết minh mục 4.1 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản tiếng Việt và 05 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toàn
 Phó Tổng giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Cao Thị Hà
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1787-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		221.610.173.708	268.295.700.775
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.911.477.361	3.469.444.167
1 Tiền	111	V.1.	4.911.477.361	3.469.444.167
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.921.625.523	146.337.464.535
1 Phải thu của khách hàng	131		64.266.458.989	99.821.366.721
2 Trả trước cho người bán	132		796.707.183	251.947.177
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	49.671.081.007	50.881.002.110
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.812.621.656)	(4.616.851.473)
IV Hàng tồn kho	140		103.070.158.449	112.133.479.589
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	103.270.661.475	112.133.479.589
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(200.503.026)	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.706.912.375	6.355.312.484
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.492.076.013	1.742.354.995
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		413.653.020	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	36.872.872	36.483.280
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.1	1.764.310.470	4.576.474.209
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		204.884.083.133	209.252.582.586
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		171.313.239.151	174.424.032.531
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	158.266.689.601	146.749.917.054
- Nguyên giá	222		225.673.564.791	213.345.717.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.406.875.190)	(66.595.800.841)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	4.555.252.244	4.705.312.404
- Nguyên giá	228		5.906.495.390	5.906.495.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.351.243.146)	(1.201.182.986)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	8.491.297.306	22.968.803.073
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	19.312.455.962	24.685.354.237
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.944.211.966	20.317.110.241
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.368.243.996
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		9.779.464.930	5.086.347.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	9.578.840.699	4.885.722.937
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
VI Lợi thế thương mại	269		4.478.923.090	5.056.848.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		426.494.256.841	477.548.283.361

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		344.354.694.582	387.766.271.036
I Nợ ngắn hạn	310		142.032.828.289	303.268.472.124
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	71.248.145.333	212.668.766.624
2 Phải trả người bán	312		28.804.867.238	66.537.968.354
3 Người mua trả tiền trước	313		6.807.704.016	4.796.574.184
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	3.903.293.854	1.924.041.185
5 Phải trả người lao động	315		2.528.042.538	1.999.505.132
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	24.216.964.291	11.904.562.726
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	4.170.769.944	2.754.371.344
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		353.041.075	682.682.575
II Nợ dài hạn	330		202.321.866.293	84.497.798.912
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	201.348.717.384	84.490.677.589
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		973.148.909	7.121.323
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		76.480.322.328	86.177.599.420
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	76.480.322.328	86.177.599.420
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	6.719.029.425
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.137.798.402
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	150.037.319
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45.539.393.618)	(35.842.116.526)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.659.239.931	3.604.412.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		426.494.256.841	477.548.283.361

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập Biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Tạ Thu Hà



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	189.874.708.588	532.071.053.856
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	616.609.854	207.883.681
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	189.258.098.734	531.863.170.175
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	160.652.293.721	492.028.262.201
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.605.805.013	39.834.907.974
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	303.028.013	187.764.046
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	27.113.259.705	49.118.433.981
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.997.195.097	48.575.354.853
8 Chi phí bán hàng	24		1.450.659.630	4.591.200.553
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.631.347.031	24.408.407.111
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(19.286.433.340)	(38.095.369.625)
11 Thu nhập khác	31		44.810.020.480	100.560.983
12 Chi phí khác	32		27.893.469.329	1.183.396.865
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16.916.551.151	(1.082.835.882)
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(5.372.898.275)	(599.643.670)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(7.742.780.464)	(39.777.849.177)
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(7.742.780.464)	(39.777.849.177)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		98.303.512	(3.279.356.001)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(7.841.083.976)	(36.697.573.370)
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22.	(804)	(3.763)

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập Biểu

Kế toán Trưởng

Giám đốc



Tạ Thu Hà



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		332.884.403.377	614.964.356.694
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(258.893.569.057)	(553.838.315.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.317.314.940)	(21.993.225.524)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.896.458.502)	(38.033.596.872)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(51.977.509)	(358.606.437)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		72.217.818.142	20.076.588.030
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(66.831.659.123)	(18.032.910.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.111.242.388	2.784.290.433
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.555.943.903)	(14.536.275.336)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		46.171.969.333	102.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.780.172.604)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.343.681.604	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.966.381.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		104.566.250	355.510.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.715.899.320)	(27.044.845.858)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		105.750.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		228.849.143.264	344.154.639.068
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(254.915.489.104)	(322.146.045.343)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.960.595.840)	22.008.593.725
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.434.747.228	(2.251.961.700)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.469.444.167	5.721.784.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.285.966	(378.550)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	4.911.477.361	3.469.444.167

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập Biểu

Kế toán trưởng




Tạ Thu Hà

Tạ Thu Hằng

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Trần Anh Vương



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2013****(tiếp theo)**

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt | Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100% |
| 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt | Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 91% |
| 3. Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt | Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88,77%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,77% |

5. Danh sách các Công ty liên doanh liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- | | |
|--|---|
| 1. Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt | Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 34%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34% |
| 2. Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt | Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Võng Thị, Tây Hồ, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 25%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25% |
| 3. Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Việt Nam | Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ phần sở hữu: 24%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24% |

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thuyết minh số VI.23.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2013. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

202:
ÔNC
+NHIE
TOAN)
IET
2/AY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2013, do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa, thành phẩm nhỏ hơn giá gốc, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá và công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối năm 2013 lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối năm 2012 nên số chênh lệch lớn hơn được lập thêm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định..

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

28-
TY
KHU
A DIN
NAI
TF

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2013****(tiếp theo)**

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt (là Công ty con của Công ty Cổ phần thép Bắc Việt) bán tài sản cố định cho Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt (là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.149.000.000 đồng (trong đó Công ty Cổ phần thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị là 10.033.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định là 3.768.820.391 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao là 306.622.713 đồng và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị bán là 5.116.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định và công cụ dụng cụ với giá trị lần lượt là 2.314.803.000 đồng và 50.333.333 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao và chưa phân bổ là 1.924.730.941 đồng). Công ty Cổ phần thương mại Bắc Việt đã bán toàn bộ số tài sản trên cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (là Công ty con Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.295.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu lợi nhuận và tài sản cố định trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tăng lên với giá trị là 12.917.646.346 đồng.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm >**

Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm >**

Quyền sử dụng đất	45-48
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt, Công ty TNHH MTV Lim Royal, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt, Cty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Việt Nam được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí như chi phí lãi vay, chi phí bảo hiểm tài sản, công cụ dụng cụ cần phân bổ, chi phí thuê đất... và chi phí quản lý trong kỳ.

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gỗ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các chi phí thực tế phát sinh để mua sắm và xây dựng dự án Logistic Bắc Ninh và Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ, xây dựng nhà máy sản xuất kết cấu, cơ khí sản phẩm cho xây dựng công nghiệp, giàn giáo bằng thép ...được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp

14.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	786.313.594	271.285.446
Tiền gửi ngân hàng	4.125.163.767	3.198.158.721
Tổng cộng	4.911.477.361	3.469.444.167
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khác	49.671.081.007	50.881.002.110
<i>Chi cục Thuế tỉnh Bắc Ninh</i>	<i>1.239.298.967</i>	-
<i>Bảo hiểm xã hội huyện Quế Võ</i>	<i>189.400.000</i>	-
<i>Nguyễn Hữu Bào</i>	<i>68.085.548</i>	-
<i>Nguyễn Ngọc Mẫn</i>	-	171.308.036
<i>Công ty TNHH Nipon Steel & Sumikin</i>	-	52.930.000
<i>Nguyễn Văn Mừng (*)</i>	47.520.000.000	47.520.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	654.296.492	3.136.764.074
Tổng cộng	49.671.081.007	50.881.002.110
(*) Là khoản tiền chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần kim Khí Bắc Việt từ năm 2011.		
3. Hàng tồn kho	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.104.678.911	1.916.761.017
Công cụ, dụng cụ	169.266.949	189.794.903
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	61.072.859.510	55.782.002.468
Thành phẩm (*)	16.600.344.640	15.573.959.398
Hàng hoá	22.323.511.465	38.670.961.803
Cộng giá gốc hàng tồn kho	103.270.661.475	112.133.479.589
(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho tại thời điểm 31/12/2013 và 31/12/2012 với giá trị lần lượt là 49.063.932.768 đồng và 34.627.151.677 đồng là của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.872.872	36.483.280
Tổng cộng	36.872.872	36.483.280

10120
CÔN
RÁCH NH
IỂM TOÁN
VIỆ
TỰ GIẢ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2013	54.886.248.472	129.546.638.613	21.687.870.429	2.910.500.924	4.314.459.457	213.345.717.895
Mua trong năm	444.433.499	3.576.838.288	-	11.000.000	18.000.000	4.050.271.787
Đầu tư XD CB hoàn thành	23.197.431.133	27.574.860.931	590.909.091	-	-	51.363.201.155
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.996.114.081)	(36.891.472.158)	(2.278.054.255)	(350.379.500)	(294.000.000)	(41.810.019.994)
Giảm khác (*)	(142.060.153)	(471.499.353)	-	(609.586.546)	(52.460.000)	(1.275.606.052)
Số dư ngày 31/12/2013	76.389.938.870	123.335.366.321	20.000.725.265	1.961.534.878	3.985.999.457	225.673.564.791
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2013	17.489.966.462	36.489.404.810	9.760.117.756	1.729.386.215	1.126.925.598	66.595.800.841
Khấu hao trong năm	3.640.023.935	10.058.288.573	1.566.153.462	169.735.621	336.032.084	15.770.233.675
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.019.526.738)	(10.593.576.393)	(1.343.996.039)	(139.880.303)	(88.812.500)	(14.185.791.973)
Giảm khác (*)	(13.596.328)	(210.522.713)	-	(513.888.312)	(35.360.000)	(773.367.353)
Số dư ngày 31/12/2013	19.096.867.331	35.743.594.277	9.982.275.179	1.245.353.221	1.338.785.182	67.406.875.190
Giá trị còn lại						
Số dư ngày 01/01/2013	37.396.282.010	93.057.233.803	11.927.752.673	1.181.114.709	3.187.533.859	146.749.917.054
Tại ngày 31/12/2013	57.293.071.539	87.591.772.044	10.018.450.086	716.181.657	2.647.214.275	158.266.689.601

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 165.149.253.662 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.831.333.990 VND

(*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 741.840.251 VND

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL là: 533.765.801 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND	
				Tổng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2013	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000		5.906.495.390
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2013	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000		5.906.495.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2013	379.732.338	481.450.648	340.000.000		1.201.182.986
Khấu hao trong năm	115.670.808	34.389.352	-		150.060.160
Giảm khác	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2013	495.403.146	515.840.000	340.000.000		1.351.243.146
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	4.670.923.052	34.389.352	-		4.705.312.404
Tại ngày 31/12/2013	4.555.252.244	-	-		4.555.252.244

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ (*)		215.207.732		215.207.732
Công trình nhà xưởng công nghệ		3.161.265.146		3.323.070.876
Công trình nhà xưởng công nghiệp Bắc Việt Thái Bình		4.815.596.125		19.204.017.114
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy		16.280.000		-
Hệ thống đường ống thoát nước		56.440.952		-
Công trình khác		226.507.351		226.507.351
Tổng cộng		8.491.297.306		22.968.803.073

(*) Dự án Logictis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ đã ngừng không triển khai từ năm 2010 đến nay.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty liên kết		14.944.211.966		20.317.110.241
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	207.400	4.576.231.645	207.400	4.907.025.496
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	50.000	2.354.888.745	50.000	2.512.148.745
Công ty Nippon Steel & Sumikin	-	8.013.091.576	-	12.897.936.000
Đầu tư dài hạn khác		4.368.243.996		4.368.243.996
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	50.000	1.452.457.000	50.000	1.452.457.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

Công ty TNHH MTV LIM ROYAL - 2.915.786.996 - 2.915.786.996

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2013
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	34%	34%	34%	4.576.231.645
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	25%	25%	25%	2.354.888.745
Công ty Nippon Steel & Sumikin	24%	24%	24%	8.013.091.576

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ(*)	3.923.746.493	3.136.213.887
Chênh lệch đánh giá tài sản chưa thực hiện chờ phân bổ	78.440.150	-
Chi phí chờ phân bổ	5.576.654.056	1.749.509.050
Tổng cộng	9.578.840.699	4.885.722.937

(*) Giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là: 143.695.618 VND.

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	41.140.266.833	212.668.766.624
VND		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	89.324.650.312
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (1)	33.730.000.000	33.764.253.450
Vũ Hồng Thủy (2)	1.889.735.801	1.745.021.913
Nguyễn Vũ Giang (2)	681.198.042	82.749.709
Ngô Thị Thu (2)	529.700.000	-
Nguyễn Thị Minh Thùy (2)	40.000.000	-
Các đối tượng khác(2)	4.269.632.990	5.315.874.440
USD		
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình (3)	30.107.878.500	62.431.476.800
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	-	20.004.740.000
Tổng cộng	71.248.145.333	212.668.766.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

(1) là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng theo hợp đồng số 174.2012.HĐTD.BVB-TTKD ngày 27/11/2012, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền sử dụng đất gắn liền trên đất với tổng giá trị là 29.205.000.000 đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 8.400.000.000 đồng và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của bên B.
- Hợp đồng số 163.2013.HĐTD1/BVB002 ngày 27/11/2013, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền trên đất với tổng giá trị là 28.046.000.000 đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 6.081.000.000 đồng và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của bên B.

(2) Khoản vay ngắn hạn của cá nhân với Lãi suất 14%/năm và thay đổi căn cứ theo lãi suất vay cao nhất của ngân hàng PG bank trừ đi (-) 5%. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 015/IVBMD-HĐHM/2013, Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, Thời gian giải ngân đến hết ngày 28/2/2014, Mục đích vay: Tài trợ cho một phần vốn lưu động của bên vay, Lãi suất vay: 14% cho 360 ngày đối với các khoản vay VND và 6,5% cho 360 ngày đối với các khoản vay USD, Thời hạn các khoản vay thông thường (theo Giấy cam kết trả nợ) không được quá 180 ngày, Quyền sử dụng 42.350 m² đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 19.216.312.500 VND; Toàn bộ tồn kho hàng hóa của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT đầu ra	3.668.097.544	1.601.743.034
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.679.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	46.168.315
Thuế thu nhập cá nhân	235.196.310	267.450.808
Tổng cộng	3.903.293.854	1.924.041.185

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí lãi vay phải trả	24.158.635.459	11.870.692.726
Chi phí tiền ăn ca	52.360.000	33.870.000
Chi phí điện, điện thoại...	5.968.832	-
Tổng cộng	24.216.964.291	11.904.562.726

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013
(tiếp theo)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	44.698.096	-
Kinh phí công đoàn	595.226.391	456.802.956
Bảo hiểm xã hội, y tế	2.337.027.924	1.694.189.010
Phải trả, phải nộp khác	1.193.817.533	603.379.378
<i>Cục thuế tỉnh Thái Bình</i>	93.934.280	-
<i>Ngô Văn Thành</i>	40.000.000	-
<i>Trần Trọng Nghĩa</i>	24.000.000	-
<i>Phạm Biên Cương</i>	8.124.882	-
<i>Trần Thế Hoàng Đạt</i>	17.131.500	-
<i>Nguyễn Trọng Tiến</i>	29.532.802	-
<i>Các đối tượng khác</i>	981.094.069	-
Tổng cộng	4.170.769.944	2.754.371.344
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn	201.348.717.384	84.490.677.589
Vay VND ngân hàng PG - CN Thăng Long (1)	41.917.182.516	84.490.677.589
Vay USD ngân hàng PG - CN Thăng Long(1)	20.046.581.000	-
Ngân hàng Indovina - CN Đống Đa (2)	40.083.646.139	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex(3)	99.301.307.729	-
Tổng cộng	201.348.717.384	84.490.677.589

(1) Khoản vay dài hạn ngân hàng PG chi nhánh Thăng Long là khoản vay ngắn hạn theo hợp Hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ (Theo thông báo cơ cấu số 01/TBCC/2013 ngày 11/11/2013).

(2) Theo Hợp đồng tín dụng số 017/IVBMD-HĐDH/2013 ngày 28/02/2013, hạn mức là 40 tỷ đồng, thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ 1 phần việc đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị cho dự án "Nhà máy Thép hình và Cơ khí Bắc Việt". Lãi suất vay bằng USD: 6,5% cho 360 ngày, đối với khoản vay bằng VND: 14% cho 360 ngày và các mức lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt với giá trị: 56.986.163.000 đồng, quyền thuê đất (82.000 m2) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt, quyền sử dụng đất của Công ty CP Kim Khí Bắc Việt với giá trị: 19.216.312.500 đồng.

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo 2 hợp đồng:

Hợp đồng hạn mức số 111.09/HĐTD/TH - PN PGB ngày 23 tháng 12 năm 2009 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 năm, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng và máy móc thiết bị. Trị giá tài sản thế chấp là: 101.646.000.000 VND.

Hợp đồng hạn mức số 585.107/HĐTD/TH-PN/PGB11, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản thế chấp là máy móc thiết bị nhập khẩu mới 100% có nguồn gốc xuất xứ và được mở LC thanh toán qua PG Bank, tổng trị giá tài sản thế chấp là: 12.027.381.582 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

Thông báo cơ cấu số 01/TBCC/2013 ngày 11/11/2013 về việc Cơ cấu nợ cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt. Số tiền vay được cơ cấu từ ngắn hạn sang dài hạn là: 99.301.307.729 VND. Thời gian cơ cấu là 11 năm kể từ năm 2013 - 2014. Lãi suất sau khi cơ cấu là 11%/năm, lãi suất cố định đến hết năm 2014.

16. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	2.098.936.381	116.111.787.181
Lãi trong năm trước	-	-	(36.697.573.370)	(36.697.573.370)
Lợi nhuận từ công ty con	-	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận từ công ty liên kế	-	-	168.835.532	168.835.532
Phân phối các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Giảm khác	-	-	(749.688.696)	(749.688.696)
Số dư tại ngày 01/01/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(35.842.116.526)	78.170.734.274
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	(7.841.083.976)	(7.841.083.976)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.856.193.116)	(1.856.193.116)
Số dư tại ngày 31/12/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(45.539.393.618)	68.473.457.182

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
Tổng cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	70.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	27.509.480.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (trích quỹ)	-	-

15.4 Cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

15.5 Các quỹ của công ty

	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	-	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	-	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	-	-	150.037.319
Tổng cộng	8.006.865.146	-	-	8.006.865.146

***) Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	189.874.708.588	532.071.053.856
Tổng cộng	189.874.708.588	532.071.053.856

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giảm giá hàng bán	616.609.854	207.883.681
Tổng cộng	616.609.854	207.883.681

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	189.258.098.734	531.863.170.175
Tổng cộng	189.258.098.734	531.863.170.175

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

20. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	160.652.293.721	492.028.262.201
Tổng cộng	160.652.293.721	492.028.262.201
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.097.081	67.992.095
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.002.726	23.394.402
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.928.206	96.377.549
Tổng cộng	303.028.013	187.764.046
22. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	25.997.195.097	48.575.354.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	400.684.361	401.795.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	683.713.000	137.388.990
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	31.667.247	3.895.117
Tổng cộng	27.113.261.062	49.118.433.981
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.841.083.976)	(36.697.573.370)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(804)	(3.763)

23. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.911.477.361	3.469.444.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.124.918.340	146.085.517.358
Các khoản đầu tư tài chính	4.368.243.996	4.368.243.996
Tổng Tổng cộng	118.404.639.697	153.923.205.521
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	272.596.862.717	297.159.444.213
Phải trả người bán và phải trả khác	32.975.637.182	69.292.339.698
Chi phí phải trả	24.216.964.291	11.904.562.726
Tổng cộng	329.789.464.190	378.356.346.637

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này:

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	50.424.596.500	82.706.353.800	1.502.557.614	372.907.657



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	32.975.637.182	-	32.975.637.182
Chi phí phải trả	24.216.964.291	-	24.216.964.291
Các khoản vay	71.248.145.333	201.348.717.384	272.596.862.717
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	69.292.339.698	-	69.292.339.698
Chi phí phải trả	11.904.562.726	-	11.904.562.726
Các khoản vay	212.668.766.624	84.490.677.589	297.159.444.213

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

228-
G T'
EM HỮ
V VÀ DƯ
TNA
Y - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

(tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.911.477.361	-	4.911.477.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.124.918.340	-	109.124.918.340
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.469.444.167	-	3.469.444.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.085.517.358	-	146.085.517.358
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lỗi liên kết của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	98.303.512	18.066.756
Lợi thế thương mại của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	429.097.363	429.097.363
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	78.440.150	-
Lợi thế thương mại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	157.260.000	157.260.000
Lãi của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	-	31.353.063
Điều chỉnh chênh lệch gốc vay trên thư xác nhận và sổ kế toán	-	27.302.075
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của vay ngắn hạn	110.972.500	-
Thu thuế thu nhập cá nhân bằng giảm gốc vay ngắn hạn	34.319.967	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm của vay ngắn hạn	1.370.185.357	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của vay dài hạn	80.699.000	-
Bù trừ công nợ phải trả với khoản đầu tư ngắn hạn	3.563.000.000	-
Phân loại các khoản công nợ phải thu sang đầu tư ngắn hạn	2.126.509.000	-

VIII Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	56.095.251.332	123.569.272.542

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013
(tiếp theo)

Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	39.408.810.753	558.400.000
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	47.898.069.522	131.220.265.117
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin		7.830.221	-
Bán thanh lý tài sản			
Bán tài sản cho Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin	Công ty liên doanh	25.906.499.698	-
Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên doanh	16.727.360.000	-
1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin	Công ty liên doanh	79.035.606	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	7.232.567.965	11.617.863.052
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Các khoản phải trả			
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	13.220.159.564	19.000.994.972
2. Những thông tin khác			
2.1 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng		1.237.552.829	4.576.474.209
Tạ Anh Tuấn		140.000.000	-
Trần Anh Vương		385.000.000	660.681.676
Trần Trọng Nghĩa		11.506.250	441.679.361
Nguyễn Hữu Bào		-	68.085.548
Cao Thanh Tùng		82.500.000	-
Các đối tượng khác		618.546.579	3.406.027.624
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược		526.757.641	-
Tổng cộng		1.764.310.470	4.576.474.209

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013
(tiếp theo)

2.2 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập Biểu

Tạ Thu Hà

Kế toán trưởng

Tạ Thu Hằng

